

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

*Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trúc L, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Mai Công H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Khu phố B, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà L, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Trúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc L và ông Mai Công H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Đức Long, Tp Phan Thiết theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 02/3/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không còn hòa hợp nên hay cãi vã. Ông bà cũng đã ngồi lại nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không cải thiện được.

Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà L khai giữa bà và ông H có 01 con chung tên Mai Viết Khoa,

sinh ngày 14/5/2011, hiện nay đang ở với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/5/2022 ông Mai Công H trình bày:

Ông H và bà L tự tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đức Long, Tp Phan Thiết. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng không có sống ly thân như bà L trình bày. Kể từ khi đi chấp hành án vợ chồng mới không sống chung với nhau. Nay ông H xác định không còn tình cảm với vợ nên đồng ý ly hôn.

Ông H khai có 01 con chung tên Mai Viết Khoa, sinh ngày 14/5/2011. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con cho bà L nuôi. Ông không có ý kiến về việc bà L không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án ly hôn này. Do ông đang chấp hành án nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Vụ án không hòa giải được do ông H đề nghị giải quyết vắng mặt và bà L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc L được ly hôn với ông Mai Công H; Về con chung: Giao cháu Mai Viết Khoa, sinh ngày 14/5/2011 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông H không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Trúc L yêu cầu ly hôn ông Mai Công H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Bị đơn ông Mai Công H có hộ khẩu thường trú tại số XX T, Khu phố B, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Mai Công H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc L và ông Mai Công H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đức Long, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 02/3/2011 nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà L là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hay cãi vã. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu

thuần đã trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình*”.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”.

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện ông không còn tình cảm với bà L nên đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên và ý kiến của bà L, ông H cho thấy yêu cầu ly hôn của bà L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông H có 01 con chung tên Mai Viết Khoa, sinh ngày 14/5/2011. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu được nuôi con do cháu Khoa đang chung sống với bà; tại Biên bản lấy lời khai ông H cũng đồng ý giao con cho bà L nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Khoa đang sống chung với bà L; đồng thời ông H cũng đồng ý để bà L nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Khoa cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống cho cháu Khoa.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trúc L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trúc L được ly hôn với ông Mai Công H.

Về con chung: Giao cháu Mai Viết Khoa, sinh ngày 14/5/2011 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Trúc L và ông Mai Công H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 23 tháng 3 năm 2022 bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004495 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Trúc L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Mai Công H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Quách Văn Hoàng